

**CÔNG TY TNHH HOSO LABOR VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HOSO LABOR VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOSO LABOR VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOSOLABOR.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109382501

**3. Ngày thành lập:** 16/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 29, ngõ 68/68 đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 16, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933513205

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dạy ngoại ngữ<br>(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                                                                                | 8559(Chính) |
| 2.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn du học                                                                                                                                                                                  | 8560        |
| 3.  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm) | 7810        |
| 4.  | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                          | 7820        |
| 5.  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết:<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước<br>- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài                                                                 | 7830        |
| 6.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                      | 7911        |
| 7.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                               | 7912        |
| 8.  | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết: Dịch vụ du lịch khác: Dịch vụ chăm sóc sức khỏe                                                                                    | 7990        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                            | 5510 |
| 10. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                            | 4931 |
| 11. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;                      | 4932 |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô                                                                                                                                                           | 4933 |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết: Dịch vụ tại bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, đại lý vận tải, đại lý bán vé, dịch vụ thu gom hàng, dịch vụ chuyển tải, dịch vụ kho hàng, dịch vụ cứu hộ vận tải đường bộ | 5225 |
| 14. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quầy bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                          | 5610 |
| 15. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thương xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                       | 5621 |
| 16. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                        | 5630 |
| 17. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                      | 7310 |
| 18. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                       | 7320 |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ hoạt động tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)                                                                                                                                                                 | 7020 |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(trừ hoạt động đấu giá hàng hoá)                                                                                                    | 4610 |
| 21. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                             | 4632 |
| 22. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                               | 4633 |
| 23. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                           | 4711 |
| 24. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                               | 4722 |
| 25. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                 | 4723 |
| 26. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                             | 4791 |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 6.800.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH HOÀ \_\_\_\_\_ Giới tính: *Nam*  
 Chức danh: *Giám đốc*  
 Sinh ngày: *23/10/1982* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
 Số giấy chứng thực cá nhân: *001082036299*  
 Ngày cấp: *14/09/2020* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 29, ngõ 68/68 đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 16, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
 Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 29, ngõ 68/68 đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 16, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội